

Số: 145/TB-QBVPTR

Kon Tum, ngày 04 tháng 5 năm 2017

THÔNG BÁO

Kết quả chi trả tiền DVMTR trong năm 2016 cho các chủ rừng thuộc lưu vực nhà máy thủy điện Đăk Ne

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Thực hiện Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 6/3/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2016; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thông báo cho Công ty cổ phần thủy điện Đăk Ne kết quả chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã thu trong năm 2016 cho các chủ rừng thuộc lưu vực nhà máy thủy điện Đăk Ne như sau:

1. Kết quả thu và phân bổ sử dụng tiền chi trả DVMTR.

a) Tổng số tiền DVMTR được sử dụng trong năm 2016: 1.893.642.973 đồng, trong đó:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thu trong năm 2016 là 1.856.312.600 đồng.

- Lãi tiền gửi ngân hàng từ nguồn chi trả cho các chủ rừng là 37.330.373 đồng.

b) Phân bổ sử dụng: 1.893.642.973 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum là 185.631.260 đồng.

- Chi trả cho các chủ rừng nằm trong lưu vực là 1.708.011.713 đồng.

2. Kết quả chi trả cho các chủ rừng

Đến ngày 28/4/2017, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum đã chi trả đầy đủ số tiền 1.708.011.713 đồng cho các chủ rừng nằm trong lưu vực nhà máy thủy điện Đăk Ne tương ứng với diện tích rừng được nghiệm thu là 39.156,07 ha (diện tích quy đổi 35.763,74 ha).

(chi tiết có biểu kèm theo)



Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thông báo để Công ty cổ phần thủy điện Đăk Ne biết./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần thủy điện Đăk Ne;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Giám đốc, PGĐ Quỹ;
- Phòng TC-HC-KT thuộc Quỹ;
- Lưu VT, KH-KT *Hb*

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng





BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHO CÁC CHỦ RỪNG THUỘC LƯU VỰC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK NE TRONG NĂM 2016

(Kèm theo Thông báo số: 145/TB-QBVPTR ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Diện tích có rừng (ha)	Diện tích quy đổi (ha)	Tổng tiền	Trong đó	
					Số tiền DVMTR thu trong năm	Lãi từ nguồn chi trả cho các chủ rừng
1	2	3	4	5=6+7	6	7
Tổng		39.156,07	35.763,74	1.708.011.713	1.670.681.340	37.330.373
A	Chủ rừng là tổ chức	32.687,46	29.946,30	1.430.181.298	1.398.923.198	31.258.100
1	BQL rừng phòng hộ Đăk Hà	324,65	308,42	14.729.465	14.407.537	321.928
2	BQL rừng phòng hộ Kon Rẫy	1.596,87	1.499,08	71.593.547	70.028.796	1.564.751
3	BQL rừng phòng hộ Thạch Nham	228,58	217,15	10.370.741	10.144.078	226.663
4	BQL rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	4.415,50	4.194,73	200.332.518	195.954.043	4.378.476
5	Công ty TNHH MTV LN Kon Plong	18.779,56	17.014,50	812.582.099	794.822.272	17.759.827
6	Công ty TNHH MTV LN Kon Rẫy	6.792,73	6.225,60	297.323.328	290.825.017	6.498.311
7	Công ty TNHH MTV LN Đăk Tô	462,97	416,67	19.899.553	19.464.627	434.925
8	Công ty NLG Miền Nam	86,60	70,15	3.350.047	3.276.828	73.219
B	UBND xã, thị trấn	1.957,41	1.757,36	83.928.299	82.093.959	1.834.340
I	Huyện Kon Rẫy	8,70	7,83	373.947	365.774	8.173
1	UBND xã Tân Lập	8,70	7,83	373.947	365.774	8.173
II	Huyện Kon Plong	1.948,71	1.749,53	83.554.352	81.728.185	1.826.167
1	UBND xã Đăk Long	40,92	36,83	1.758.839	1.720.398	38.441
2	UBND xã Măng Cành	1.791,59	1.608,12	76.800.961	75.122.396	1.678.565
3	UBND xã Măng Bút	53,80	48,42	2.312.452	2.261.911	50.541
4	UBND xã Đăk Tăng	62,40	56,16	2.682.101	2.623.480	58.620
C	Chủ rừng hộ gia đình, cộng đồng dân cư	4.511,20	4.060,08	193.902.116	189.664.183	4.237.932
I	Huyện Kon Rẫy	914,40	822,96	39.303.089	38.444.079	859.010
1	Xã Đăk Tơ Lung	914,40	822,96	39.303.089	38.444.079	859.010
II	Huyện Kon Plông	3.596,80	3.237,12	154.599.027	151.220.104	3.378.923
1	Xã Măng Bút	2.602,20	2.341,98	111.848.751	109.404.180	2.444.571
2	Xã Đăk Tăng	994,60	895,14	42.750.276	41.815.924	934.352